TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:105/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 - 2023
V/v: *ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Trịnh Hoàng Thám

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Như Ý – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Nhẫn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 6 năm 2023 và ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2022/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Như y, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh C (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Y: Ông Trần Chi L, sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Quách Kim T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện U , tỉnh C (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà T: Luật sư Mai Thiên Th.

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Mai Thiên Th thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (ông Thơ có mặt ngày 16/6/2023, vắng mặt ngày 26/6/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1//Bà Nguyễn Hồng C, sinh năm 1958.

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

2/Ông Hồ Như T, sinh năm 1958.

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

(Ông T, bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2022 của ông Hồ Như y, trong quá trình tố tung và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Y và ông Y trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông Hồ Như Y và bà Quách Kim T tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện U, tỉnh C. Trong thời gian chung sống do bất đồng ý kiến, không hợp nhau dẫn đến ly thân và yêu cầu được ly hôn với bà T

- Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Khánh N, sinh ngày 14/7/2015, hiện tại do ông Y nuôi dưỡng. ông Y yêu cầu sau khi ly hôn, yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Ngọc, không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Tự thỏa thuận xong.

- Về nợ chung: Nợ ông Hồ Như T bà Nguyễn Hồng C số tiền 240.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 24k. Ngoài ra còn nợ bà Hồ Tuyết S số tiền 120.000.000 đồng và 05 chỉ vàng. Nợ bà Hồ Bích T số tiền 170.000.000 đồng. Các khoản nợ này đã thỏa thuận xong, không yêu cầu xem xét.

** Trong quá trình tố tung và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà T và Bà T trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà T và ông Y tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Giữa bà và ông Y không có mâu thuẫn lớn Bà T còn thương ông Y và yêu cầu được hàn gắn vợ chồng. Trường hợp ông Y kiên quyết ly hôn thì Bà T đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa Bà T đồng ý ly hôn với ông Y.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Khánh N, sinh ngày 14/7/2015, hiện tại do ông Y nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được hàn gắn vợ chồng để cùng nhau nuôi dưỡng con chung. Trường hợp Tòa án cho bà và ông Y ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa Bà T đồng ý giao con chung cho ông Y nuôi dưỡng.

- Về tài sản: Tự thỏa thuận

- Về nợ chung: Nợ ông Hồ Như T; bà Nguyễn Hồng C; bà Hồ Tuyết Sương; bà Hồ Bích Tuyền. Các khoản nợ này đã thỏa thuận xong không yêu cầu xem xét.

** Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt đề ngày 13/4/2022 ông Hồ Như T và bà Nguyễn Hồng C trình bày:*

Năm 2016, Y và T ra riêng, trong thời gian này Y và T làm ăn mua bán, có nhiều lần mượn tiền của ông, bà để kinh doanh tổng là 740.000.000 đồng và 08 chỉ

vàng 24k và tiền ông bà vay của Ngân hàng cho Y, T mượn là 200.000.000 đồng. Yêu cầu Y và T trả 240.000.000 đồng (200.000.000 ông, bà vay tiền Ngân hàng cho mượn lại, còn 40.000.000 đồng mượn sau) và 8 chỉ vàng 24k.

Ngày 20/6/2023 ông T và bà C có đơn xin rút yêu cầu độc lập, xác định khoản nợ 240.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 24k đã thỏa thuận xong và xin rút lại toàn bộ yêu cầu đối với ông Y và bà T

* Cháu Hồ Khánh N, nguyện vọng được chung sống với cha là ông Y.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, về hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Y đối với Bà T; về con chung giao cháu Hồ Khánh Ngọc cho ông Y nuôi dưỡng; về tài sản chung không xét; về nợ chung ông Thạch, bà Cấm rút toàn bộ yêu cầu đối với ông Y và Bà T, căn cứ vào Điều 217 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu của ông Thạch, bà Cấm về việc yêu cầu ông Y, Bà T trả nợ. Về án phí căn cứ Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa ông Hồ Như y với bà Quách Kim T là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Hồ Như T và bà Nguyễn Hồng C đề nghị xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Hồ Như Y và bà Quách Kim T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa ông Y và Bà T là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

ông Y cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng giữa ông Y và Bà T đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân và yêu cầu được ly hôn. Còn Bà T cho rằng mâu thuẫn không lớn nên xin được hàn gắn và xác định nếu ông Y kiên quyết ly hôn thì Bà T đồng ý ly hôn. Tại phiên Tòa ông Y kiên quyết được ly hôn, Bà T cũng đồng ý ly hôn với ông Y. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Y với Bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho ông Y và Bà T ly hôn.

[3] Về con chung: ông Y và Bà T cùng yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Ngọc. Xét yêu cầu của ông Y và Bà T nhận thấy, từ khi ông Y và Bà T không

còn chung sống với nhau, cháu Ngọc sinh sống với ông Y, trong thời gian chung sống cháu N được đến trường học tập, kết quả hàng năm đều đạt tốt, ông Y có nơi ở, thu nhập ổn định. Hơn nữa cháu N có nguyện vọng được sống chung với ông Y và tại phiên tòa Bà T thay đổi ý kiến thống nhất giao cháu N cho ông Y nuôi dưỡng nên tiếp tục giao cháu N cho ông Y nuôi dưỡng là đảm bảo cho cháu có điều kiện phát triển bình thường, ổn định về tâm lý, tình cảm. Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu N không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Ông Hồ Như Y và bà Quách Kim T xác định đã thỏa thuận xong, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung:

- Đối với số nợ ông Hồ Như T và bà Nguyễn Hồng C yêu cầu ông Y và Bà T trả số tiền 240.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 24k. Ông T bà C có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu đối với ông Y và Bà T, xét đây là tự nguyện của ông T và bà C nên đình chỉ việc giải quyết yêu cầu độc lập của ông T và bà C yêu cầu ông Y và Bà T trả tiền, theo điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với số nợ của bà Hồ Tuyết S và bà Hồ Bích T, sau khi thông báo cho bà S và bà T thực hiện các thủ tục theo quy định để xem xét thụ lý, giải quyết yêu cầu của bà S, bà T, bà S và bà T chưa nộp tạm ứng án phí và xin rút lại yêu cầu nên không xét và không đưa bà S, bà T tham gia tố tụng.

[6] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Hồ Như Y phải chịu 300.000 đồng. ông Y đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011876 ngày 12/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được đối trừ chuyển thu. Bà Quách Kim T không phải chịu án phí. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Ông Hồ Như T và bà Nguyễn Hồng C không phải chịu án phí. Ông Thạch và bà Cấm được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 ; Điều 82 ; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Hồ Như Y với bà Quách Kim T.

- Về con chung: Giao cháu Hồ Khánh N, sinh ngày 14/7/2015 cho ông Hồ Như Y nuôi dưỡng, cháu N đang do ông Y nuôi dưỡng, ông Y tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Quách Kim T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu N không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không xem xét

- Đình chỉ yêu cầu của ông Hồ Như T và bà Nguyễn Hồng C về việc yêu cầu ông Hồ Như y và bà Quách Kim T trả số tiền 240.000.000 (Hai trăm bốn mươi triệu) đồng và 08 chỉ vàng 24k.

- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Hồ Như Y phải chịu 300.000 đồng. ông Y đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011876 ngày 12/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được đối trừ chuyển thu.

+ Ông Hồ Như T và bà Nguyễn Hồng C không phải chịu án phí. Ông T và bà C được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày xét xử sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);*
- *UBND xã Nguyễn Phích, U Minh, Cà Mau;*
- *Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Thanh Nguyễn